

Số: **3467**/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **27** tháng 6 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch  
sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 7968/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của UBND Thành phố về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của thị xã Sơn Tây;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số **3238**/TTr-TNMT-KHTH ngày **20** tháng 6 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây:

a) *Diện tích, cơ cấu các loại đất:*

*Đơn vị tính: ha*

TT	Mục đích sử dụng	Mã	Hiện trạng năm 2011	Diện tích đến 2020
----	------------------	----	---------------------	--------------------

			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Cấp trên phân bổ (ha)	Phường xác định (ha)	Cộng (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>69,80</b>	<b>100,00</b>	<b>69,80</b>		<b>69,80</b>	<b>100,0</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP	<b>4,99</b>	<b>7,15</b>	<b>0,72</b>	<b>-0,28</b>	<b>0,44</b>	<b>0,63</b>
	<i>Trong đó:</i>							
1.1	Đất lúa nước	DLN	4,13	5,92	0,68	-0,30	0,38	0,54
-	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	4,13	5,92	0,68	-0,30	0,38	0,54
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	BHK	0,86	1,23	0,04	0,02	0,06	0,09
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	<b>64,40</b>	<b>92,26</b>	<b>69,08</b>	<b>0,28</b>	<b>69,36</b>	<b>99,37</b>
	<i>Trong đó</i>							
2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,75	1,07	1,10		1,10	1,58
2.2	Đất quốc phòng	CQP			0,20		0,20	0,29
2.3	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	2,88	4,13	2,78		2,78	3,98
2.4	Đất có di tích, danh thắng	LDT	0,36	0,52	0,89		0,89	1,28
2.5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,13	0,19	0,13		0,13	0,19
2.6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	1,50	2,15	2,40		2,40	3,44
2.7	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	3,43	4,91	5,53		5,53	7,92
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	20,84	29,86	24,91		24,91	35,69
-	Đất giao thông	DGT	12,13	17,38	16,80		16,80	24,07
-	Đất thủy lợi	DTL	0,10	0,14				
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	3,36	4,81	3,62		3,62	5,19
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	3,40	4,87	3,4		3,40	4,87
-	Đất chợ	DCH	1,49	2,13	1,09		1,09	1,56
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	CSD	<b>0,41</b>	<b>0,59</b>				
<b>4</b>	<b>Đất ở đô thị</b>	ODT	<b>34,87</b>	<b>49,96</b>	<b>31,14</b>	<b>0,28</b>	<b>31,42</b>	<b>45,01</b>

**b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:**

*Đơn vị tính: ha*

TT	Chỉ tiêu	Mã	Cả thời kỳ (2011-2020)	Phân theo kỳ	
				Kỳ đầu (2011-2015)	Kỳ cuối (2016-2020)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	4,55	2,96	1,59
1.1	Đất lúa nước	DLN/PNN	3,75	2,50	1,25
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	BHK/PNN	0,80	0,46	0,34
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp				

**c) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích:**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Mục đích sử dụng	Mã	Cả thời kỳ	Phân theo kỳ	
				Kỳ đầu	Kỳ cuối
1	Đất nông nghiệp	NNP			
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,41		0,41

	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	0,41		0,41

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỷ lệ 1/5.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm đầu (2011-2015) của phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 20 tháng 6 năm 2014.

**Điều 2.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong kỳ kế hoạch sử dụng đất:

a) *Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Mục đích sử dụng	Mã	DT năm 2010	Diện tích đến các năm			
				Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP	<b>4,99</b>	<b>4,99</b>	<b>4,96</b>	<b>2,08</b>	<b>2,03</b>
	<i>Trong đó:</i>						
	Đất lúa nước	DLN	4,13	4,13	4,13	2,08	1,63
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	<b>64,40</b>	<b>64,40</b>	<b>64,43</b>	<b>67,31</b>	<b>67,36</b>
	<i>Trong đó:</i>						
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,75	0,75	0,75	1,05	1,05
2.2	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	2,88	2,88	2,88	2,88	2,88
2.3	Đất di tích danh thắng	DDT	0,36	0,36	0,36	0,89	0,89
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,13	0,13	0,13	0,13	0,13
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	1,50	1,50	1,50	1,40	1,40
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	3,43	3,43	3,43	3,43	3,43
2.7	Đất phát triển hạ tầng	DHT	20,48	20,48	20,48	22,58	22,58
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	CSD	<b>0,41</b>	<b>0,41</b>	<b>0,41</b>	<b>0,41</b>	<b>0,41</b>
<b>4</b>	<b>Đất ở đô thị</b>	ODT	<b>34,87</b>	<b>34,87</b>	<b>34,90</b>	<b>34,95</b>	<b>35,00</b>

b) *Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:*

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích	Phân theo các năm			
				Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>	NNP/PNN	<b>2,96</b>		<b>0,03</b>	<b>2,88</b>	<b>0,05</b>
1.1	Đất lúa nước	DLN/PNN	2,50			2,50	
-	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	2,50			2,50	

1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	BHK/PNN	0,46		0,03	0,38	0,05
2	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>						

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỷ lệ 1/5.000 và Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm đầu (2011-2015) của phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 20 tháng 6 năm 2014.

**Điều 3. Trách nhiệm của UBND thị xã Sơn Tây và Sở Tài nguyên và Môi trường:**

1. Đối UBND thị xã Sơn Tây:

- a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phường Quang Trung theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
- b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
- c) Tổ chức kiểm tra thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, có trách nhiệm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây.

2. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường:

- a) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- b) Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn Thành phố đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố, Mặt trận tổ quốc Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Sơn Tây chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: CVP, PCVP Phạm Chí Công;
- Lưu VT, TNMT.

18237-110

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh